

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 13 - 33 |
| 8. Phụ lục | 34 - 37 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp Việt Thái thuộc Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện Việt Nam) theo Quyết định số 1689/QĐ-TCCB ngày 09 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600751476, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-251) 3 836 158
- Fax : (84-251) 3 836 297

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, bán buôn các mặt hàng: đồng, thau, nhôm, dây và cáp điện;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng;
- Đại lý bán hàng và dịch vụ thương mại (trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm, đấu giá).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Hoàng Nghĩa Đàn | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Phan Hoàng Tuấn | Quyền Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Phan Hoàng Tuấn | Quyền Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Trương Vĩ Kiến | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đức Tường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Trung Trường | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| Bà Phạm Thị Trúc Linh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Lương Hữu Văn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Phan Hoàng Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2008 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Võ Hữu Luyện | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Ngô Hoàng Liên | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Dương Thị Hồng Phượng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------------|---------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trung Trường | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Thế Anh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Thế Anh | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | Quyền Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Trần Trí Việt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2019 |
| Ông Hoàng Đình Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Vương Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2019 |



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|---------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thế Anh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Thế Anh | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | Quyền Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Trần Trí Việt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2019 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

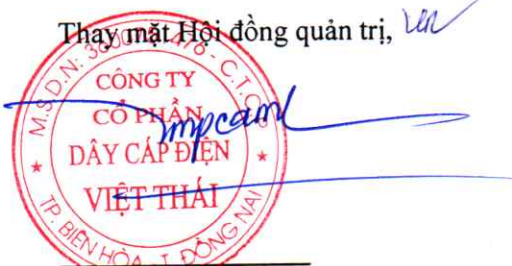
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Mai Phan Cẩm Tú
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 02 năm 2020

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 1.0275/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 89.394.598.691 | 76.236.392.785 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 5.462.144.736 | 5.139.984.281 |
| 1. | Tiền | 111 | | 5.462.144.736 | 5.139.984.281 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.723.590.137 | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 2.723.590.137 | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 42.923.271.172 | 24.439.047.654 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 38.232.608.510 | 23.849.539.336 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.646.589.830 | 18.000.000 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 44.072.832 | 571.508.318 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 36.961.403.920 | 45.512.380.180 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 39.356.892.921 | 48.546.007.015 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.395.489.001) | (3.033.626.835) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.324.188.726 | 1.144.980.670 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 70.091.045 | - |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 961.660.798 | 852.543.787 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 292.436.883 | 292.436.883 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 33.276.933.981 | 28.961.661.410 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 28.947.530.767 | 27.742.052.124 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 28.947.530.767 | 27.742.052.124 |
| - | <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 77.938.392.789 | 75.527.512.159 |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (48.990.862.022) | (47.785.460.035) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - | <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - | <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - | <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 25.120.000 | - |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 25.120.000 | - |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.304.283.214 | 1.219.609.286 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 4.304.283.214 | 1.219.609.286 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 122.671.532.672 | 105.198.054.195 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 43.768.046.485 | 30.434.758.108 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 40.304.671.345 | 30.434.758.108 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 7.304.843.686 | 11.331.738.460 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 3.147.323.567 | 433.954.764 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 158.399.400 | 88.743.100 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | V.13 | 630.004.660 | 999.761.710 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 626.300.000 | 556.300.000 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 28.426.310.284 | 16.850.684.326 |
| 11. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 11.489.748 | 173.575.748 |
| 13. | Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 3.463.375.140 | - |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. | Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. | Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 3.463.375.140 | - |
| 9. | Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. | Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. | Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

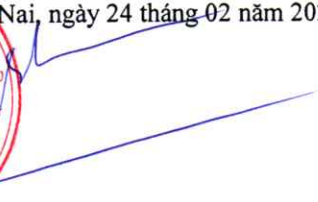
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 78.903.486.187 | 74.763.296.087 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 78.903.486.187 | 74.763.296.087 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.17 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.17 | 11.500.000.000 | 11.500.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.17 | 14.325.376.088 | 14.325.376.088 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.17 | 3.202.354.589 | 3.202.354.589 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.17 | (124.244.490) | (4.264.434.590) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (4.264.434.590) | (4.264.434.590) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.140.190.100 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 122.671.532.672 | 105.198.054.195 |

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2020




Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng


Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 212.736.385.299 | 349.207.817.914 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 247.937.134 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 212.488.448.165 | 349.207.817.914 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 195.444.653.332 | 347.092.929.021 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 17.043.794.833 | 2.114.888.893 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 10.992.252 | 17.862.242 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.363.563.379 | 904.087.461 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.363.427.032 | 879.038.141 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 2.559.073.425 | 1.110.219.309 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 8.854.293.626 | 7.470.189.694 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.277.856.655 | (7.351.745.329) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 75.343 | 18.000.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 134.060.686 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (133.985.343) | 18.000.000 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.143.871.312 | (7.333.745.329) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 3.681.212 | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>4.140.190.100</u> | <u>(7.333.745.329)</u> |



Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2020


Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|---------------|-------------------------|------------------------|
| | | | | |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 4.143.871.312 | (7.333.745.329) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8 | 5.357.207.341 | 5.187.322.301 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | (638.137.834) | 3.033.626.835 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 17.375 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7 | 69.066.986 | (18.000.000) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.363.427.032 | 879.038.141 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.295.452.212 | 1.748.241.948 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (14.315.810.661) | (7.684.958.266) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 9.189.114.094 | 6.325.156.065 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (1.517.626.721) | 5.730.636.386 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (3.154.764.973) | 302.759.260 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.4 | (1.363.427.032) | (879.038.141) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.12 | (3.681.212) | (572.140.920) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16 | (162.086.000) | (800.875.935) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.032.830.293) | 4.169.780.397 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8, V.9, VII | (11.586.391.157) | (2.476.163.647) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.8; VI.7 | 648.398.182 | 18.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (2.723.590.137) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 3.590.137 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (13.657.992.975) | (2.458.163.647) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI


Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15 | 86.069.974.834 | 145.362.507.239 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (71.030.973.736) | (145.157.256.426) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.14 | (26.000.000) | (2.471.100.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 15.013.001.098 | (2.265.849.187) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 322.177.830 | (554.232.437) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 5.139.984.281 | 5.694.216.718 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (17.375) | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 5.462.144.736 | 5.139.984.281 |

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2020


Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng


Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các mặt hàng: đồng, thau, nhôm, dây và cáp điện, kinh doanh vật tư và thiết bị, đại lý bán hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay có sự suy giảm đáng kể so với năm trước, tuy nhiên lợi nhuận lại tăng đáng kể so với năm trước là do trong năm nay Công ty có ký hợp đồng với các khách hàng mới cũng như thay đổi nhà cung cấp nguyên vật liệu. Lợi nhuận mang lại từ những thay đổi này làm cho tình hình kinh doanh của Công ty có bước cải thiện vượt bậc so với năm 2019.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 84 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 68 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 24 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 13 |
| Phương tiện vận tải, thuyền dẫn | 10 - 13 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

49815
CÔNG TY
GIỚI HỮU
N VÀ TỰ
& C
PHỔ C

76-
Y
N
DIỆN
ÁI
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 100.575.199 | 23.728.937 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*) | 5.361.569.537 | 5.116.255.344 |
| Cộng | <u>5.462.144.736</u> | <u>5.139.984.281</u> |

- (*) Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai là 334.936.200 VND (số đầu năm là 0 VND) và khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa là 1.527.169.095 VND (số đầu năm là 863.875.104 VND) bị phong tỏa để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và không quá 12 tháng.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.100.000.000 VND được sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 6.179.791.571 | 6.097.494.128 |
| Công ty TNHH Phát triển Mạnh Khang | 5.957.139.588 | 6.097.494.128 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường | 222.651.983 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 32.052.816.939 | 17.752.045.208 |
| Công ty TNHH Thiết bị điện và Lắp đặt mạng lưới điện Mai Phương Lâm | 10.577.264.817 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Thành Phú Vina | 6.079.256.040 | - |
| Công ty Cổ phần H.P.Q Việt Nam | 3.963.159.105 | - |
| Công ty TNHH Việt Hàn | 200.000.000 | 2.381.446.231 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Trúc Huy | - | 2.479.015.932 |
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dây và Cáp điện Tài Trường Thành | - | 9.153.128.490 |
| Các khách hàng khác | 11.233.136.977 | 3.738.454.555 |
| Cộng | <u>38.232.608.510</u> | <u>23.849.539.336</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|----------------------|-------------------|
| Sunlane International Company | 4.277.529.868 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 369.059.962 | 18.000.000 |
| Cộng | 4.646.589.830 | 18.000.000 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|-------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 16.672.530 | - | 536.430.000 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 15.400.000 | - | 15.400.000 | - |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa | 12.000.302 | - | 19.678.318 | - |
| Cộng | 44.072.832 | - | 571.508.318 | - |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 9.852.137.844 | - | 13.162.919.771 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 54.658.915 | - | 37.890.002 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.875.043.200 | - | 3.878.000.000 | - |
| Thành phẩm | 21.495.558.956 | (2.395.489.001) | 29.998.891.119 | (3.033.626.835) |
| Hàng hóa | 2.079.494.006 | - | 1.468.306.123 | - |
| Cộng | 39.356.892.921 | (2.395.489.001) | 48.546.007.015 | (3.033.626.835) |

Giá trị thành phẩm tồn kho ứ đọng tại ngày kết thúc năm tài chính là 47.278.553 VND (số đầu năm là 2.769.641.925 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.033.626.835 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 3.033.626.835 |
| Hoàn nhập dự phòng | (638.137.834) | - |
| Số cuối năm | 2.395.489.001 | 3.033.626.835 |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------------|------------|
| Chi phí bảo hiểm | 60.352.863 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 9.738.182 | - |
| Cộng | 70.091.045 | - |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 542.779.795 | 648.122.212 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 3.761.503.419 | 571.487.074 |
| Cộng | 4.304.283.214 | 1.219.609.286 |

300449
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V
A &
VH-T.PI

57
NG T
PH
ÁP
TH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 14.102.368.926 | 55.379.728.169 | 4.689.978.294 | 1.355.436.770 | 75.527.512.159 |
| Mua trong năm | - | 2.538.856.608 | 4.744.884.681 | - | 7.283.741.289 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.799.442.888) | (3.043.211.571) | (30.206.200) | (4.872.860.659) |
| Số cuối năm | 14.102.368.926 | 56.119.141.889 | 6.391.651.404 | 1.325.230.570 | 77.938.392.789 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.342.546.444 | 12.744.130.028 | 786.795.455 | 942.790.570 | 18.816.262.497 |
| Chờ thanh lý | - | 64.417.250 | - | - | 64.417.250 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 9.909.532.524 | 33.291.104.870 | 3.424.152.546 | 1.160.670.095 | 47.785.460.035 |
| Khấu hao trong năm | 632.988.186 | 4.055.232.941 | 592.498.214 | 76.488.000 | 5.357.207.341 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.412.169.572) | (2.709.429.582) | (30.206.200) | (4.151.805.354) |
| Số cuối năm | 10.542.520.710 | 35.934.168.239 | 1.307.221.178 | 1.206.951.895 | 48.990.862.022 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 4.192.836.402 | 22.088.623.299 | 1.265.825.748 | 194.766.675 | 27.742.052.124 |
| Số cuối năm | 3.559.848.216 | 20.184.973.650 | 5.084.430.226 | 118.278.675 | 28.947.530.767 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.559.848.216 VND cùng một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.078.971.593 VND đã được thế chấp, để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (xem thuyết minh V.15a; V.15b).

Máy kéo dây và ù liên tục 8 đường Model MMH101 có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.785.561.366 VND đã được thế chấp, để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai (xem thuyết minh V.15a).

Phương tiện vận tải có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.039.148.218 VND đã được thế chấp, để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai (xem thuyết minh V.15b).

Phương tiện vận tải có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.769.785.457 VND đã được thế chấp, để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (xem thuyết minh V.15b).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 8.393.852 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường | 8.393.852 | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 7.296.449.834 | 11.331.738.460 |
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dây và Cáp điện Tài Trường Thành | - | 9.098.490.390 |
| Công ty TNHH Hà Minh Phát | 225.892.728 | 1.067.550.000 |
| Công ty Cổ phần Châu Âu Vina | 912.012.750 | 621.610.000 |
| Công ty TNHH Cáp Taihan Vina | 3.528.305.368 | - |
| Công ty TNHH Polycorn | 774.455.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.855.783.988 | 544.088.070 |
| Cộng | 7.304.843.686 | 11.331.738.460 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dây và Cáp điện Tài Trường Thành | 2.141.296.410 | - |
| Công ty TNHH Dây cáp điện Tatum Đệ Nhất | 335.957.600 | 161.700.000 |
| Công ty TNHH Kim loại Việt Phong | 131.042.240 | 131.042.240 |
| Các khách hàng khác | 539.027.317 | 141.212.524 |
| Cộng | 3.147.323.567 | 433.954.764 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|----------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 1.951.195.204 | (1.951.195.204) | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 1.133.698.985 | (1.133.698.985) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 292.436.883 | 3.681.212 | (3.681.212) | - | 292.436.883 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 88.743.100 | - | 110.975.099 | (41.318.799) | 158.399.400 | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 113.642.396 | (113.642.396) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.299.667 | (4.299.667) | - | - |
| Cộng | 88.743.100 | 292.436.883 | 3.317.492.563 | (3.247.836.263) | 158.399.400 | 292.436.883 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.143.871.312 | (7.333.745.329) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 264.584.775 | 3.281.210.835 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (638.137.834) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 3.770.318.253 | (4.052.534.494) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (3.770.318.253) | - |
| Thu nhập tính thuế | - | (4.052.534.494) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 3.681.212 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3.681.212 | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho công nhân viên.

Công ty tạm trích quỹ tiền lương kế hoạch theo Quyết định Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2019.

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Cổ tức phải trả | 530.300.000 | 556.300.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 96.000.000 | - |
| Cộng | 626.300.000 | 556.300.000 |

Công ty không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 26.477.990.284 | 16.850.684.326 |
| Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ⁽ⁱ⁾ | 20.009.918.415 | 5.040.426.502 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.468.071.869 | 11.810.257.824 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b) | 1.948.320.000 | - |
| Cộng | <u>28.426.310.284</u> | <u>16.850.684.326</u> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm giải ngân theo quy định của Ngân hàng và được điều chỉnh 01 tháng/lần, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và nhà xưởng gắn liền với đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 47, Đường số 01, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai và tài sản cố định (xem thuyết minh V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm giải ngân theo quy định của Ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|---|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 16.850.684.326 | 78.491.339.694 | - | (68.864.033.736) | 26.477.990.284 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | - | 1.504.000.000 | - | (1.504.000.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | 1.948.320.000 | - | 1.948.320.000 |
| Cộng | <u>16.850.684.326</u> | <u>79.995.339.694</u> | <u>1.948.320.000</u> | <u>(70.368.033.736)</u> | <u>28.426.310.284</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.463.375.140 | - |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.700.075.140 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai ^(iv) | 714.500.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định ^(v) | 1.048.800.000 | - |
| Cộng | <u>3.463.375.140</u> | <u>-</u> |

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm giải ngân theo quy định của Ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ khoản vay và một số tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.8).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai để mua xe ô tô. Thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.8).

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để mua xe ô tô. Thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.948.320.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 3.463.375.140 |
| Trên 05 năm | - |
| Cộng | <u>5.411.695.140</u> |

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|------------------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số tiền vay phát sinh | 6.074.635.140 |
| Số tiền vay đã trả | (662.940.000) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (1.948.320.000) |
| Số cuối năm | <u>3.463.375.140</u> |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 112.609.270 | - | (112.609.270) | - |
| Quỹ phúc lợi | 60.966.478 | - | (49.476.730) | 11.489.748 |
| Cộng | <u>173.575.748</u> | <u>-</u> | <u>(162.086.000)</u> | <u>11.489.748</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dây cáp điện Tân Cường Thành | 5.847.600.000 | 5.847.600.000 |
| Bà Mai Phan Cẩm Tú | 11.052.400.000 | 7.873.000.000 |
| Ông Phạm Đình Thuyền | 4.931.600.000 | 9.920.600.000 |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 28.168.400.000 | 26.358.800.000 |
| Cộng | <u>50.000.000.000</u> | <u>50.000.000.000</u> |

17c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 176,93 USD (số đầu năm là 268,67 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 188.872.767.612 | 310.002.307.820 |
| Doanh thu gia công | 5.307.456.480 | 4.445.950.400 |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 18.556.161.207 | 34.759.559.694 |
| Cộng | <u>212.736.385.299</u> | <u>349.207.817.914</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường | | |
| Bán thành phẩm | 16.682.738.599 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Mạnh Khang | | |
| Bán thành phẩm | 27.175.106.733 | 14.649.300.208 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ | 171.848.944.611 | 304.136.603.247 |
| Giá vốn gia công | 5.582.300.652 | 5.348.707.851 |
| Giá vốn của nguyên vật liệu, hàng hóa đã tiêu thụ | 18.651.545.903 | 34.573.991.088 |
| Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho | (638.137.834) | 3.033.626.835 |
| Cộng | <u>195.444.653.332</u> | <u>347.092.929.021</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 4.963.931 | 10.542.537 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 3.590.137 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 14.900 | 7.319.705 |
| Doanh thu tài chính khác | 2.423.284 | - |
| Cộng | <u>10.992.252</u> | <u>17.862.242</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.363.427.032 | 879.038.141 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 118.972 | 25.049.320 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 17.375 | - |
| Cộng | <u>1.363.563.379</u> | <u>904.087.461</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.417.979.312 | - |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 4.160.000 | - |
| Chi phí vận chuyển | 388.937.534 | 606.396.670 |
| Chi phí mua ngoài | 287.207.239 | 116.827.565 |
| Các chi phí khác | 460.789.340 | 386.995.074 |
| Cộng | <u>2.559.073.425</u> | <u>1.110.219.309</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 5.426.209.501 | 5.159.841.243 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 231.043.943 | 154.072.027 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.353.279.883 | 145.107.523 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 182.532.916 | 184.444.147 |
| Thuế, phí và lệ phí | 263.838.728 | 466.614.188 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 594.663.303 | 452.431.567 |
| Các chi phí khác | 802.725.352 | 907.678.999 |
| Cộng | <u>8.854.293.626</u> | <u>7.470.189.694</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 72.657.123 | - |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 60.000.000 | - |
| Chi phí khác | 1.403.563 | - |
| Cộng | <u>134.060.686</u> | <u>-</u> |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.140.190.100 | (7.333.745.329) |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 4.140.190.100 | (7.333.745.329) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>828</u> | <u>(1.467)</u> |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 188.786.420.970 | 326.277.235.403 |
| Chi phí nhân công | 10.945.187.664 | 8.374.265.710 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.357.207.341 | 5.187.322.301 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.263.290.167 | 1.510.618.799 |
| Chi phí khác | 2.491.053.359 | 2.581.297.030 |
| Cộng | <u>208.843.159.501</u> | <u>343.930.739.243</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ trả trước liên quan liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 4.277.529.868 VND (số đầu năm là 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay là 734.000.000 VND (năm trước là 1.451.302.300 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|---|
| Công ty Cổ phần Dây cáp điện Tân Cường Thành | Công ty góp vốn với tỷ lệ 11,7% |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường | Công ty cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH Phát triển Mạnh Khang | Công ty thành viên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường | | |
| Mua hàng hóa | 38.830.165 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Mạnh Khang | | |
| Mua hàng hóa | 779.846.540 | - |
| Công ty Cổ phần Dây cáp điện Tân Cường Thành | | |
| Trả cổ tức | - | 292.380.000 |

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất dây cáp điện các loại.
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác: gia công dây cáp điện.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 7.304.843.686 | - | - | 7.304.843.686 |
| Vay và nợ | 28.426.310.284 | 3.463.375.140 | - | 31.889.685.424 |
| Các khoản phải trả khác | 626.300.000 | - | - | 626.300.000 |
| Cộng | 36.357.453.970 | 3.463.375.140 | - | 39.820.829.110 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 11.331.738.460 | - | - | 11.331.738.460 |
| Vay và nợ | 16.850.684.326 | - | - | 16.850.684.326 |
| Các khoản phải trả khác | 556.300.000 | - | - | 556.300.000 |
| Cộng | 28.738.722.786 | - | - | 28.738.722.786 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho đơn vị khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 1.862.105.295 | 863.875.104 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 2.100.000.000 | - |
| Cộng | 3.962.105.295 | 863.875.104 |

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.462.144.736 | - | 5.139.984.281 | - |
| Phải thu khách hàng | 38.232.608.510 | - | 23.849.539.336 | - |
| Các khoản phải thu khác | 15.400.000 | - | 15.400.000 | - |
| Cộng | 43.710.153.246 | - | 29.004.923.617 | - |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 7.304.843.686 | 11.331.738.460 |
| Vay và nợ | 31.889.685.424 | 16.850.684.326 |
| Các khoản phải trả khác | 626.300.000 | 556.300.000 |
| Cộng | 39.820.829.110 | 28.738.722.786 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu

Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng



Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------------|---|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 50.000.000.000 | 11.500.000.000 | 13.370.111.504 | 3.202.354.589 | 7.288.786.989 | 85.361.253.082 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | (7.333.745.329) | (7.333.745.329) |
| Trích lập các quỹ | - | - | 955.264.584 | - | (1.719.476.250) | (764.211.666) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | - | (2.500.000.000) | (2.500.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 50.000.000.000 | 11.500.000.000 | 14.325.376.088 | 3.202.354.589 | - | 74.763.296.087 |
| Số dư đầu năm nay | 50.000.000.000 | 11.500.000.000 | 14.325.376.088 | 3.202.354.589 | (4.264.434.590) | 74.763.296.087 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 4.140.190.100 | 4.140.190.100 |
| Số dư cuối năm nay | 50.000.000.000 | 11.500.000.000 | 14.325.376.088 | 3.202.354.589 | (124.244.490) | 78.903.486.187 |

Đơn vị tính: VND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2020



(Handwritten signature)

Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng

Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Năm nay | Đơn vị tính: VND | | |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Các khoản loại trừ |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 188.624.830.478 | 18.556.161.207 | 5.307.456.480 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 188.624.830.478 | 18.556.161.207 | 5.307.456.480 |
| Giá vốn theo bộ phận | 171.210.806.777 | 18.651.545.903 | 5.582.300.652 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 17.414.023.701 | (95.384.696) | (274.844.172) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | |
| Chi phí tài chính | | | |
| Thu nhập khác | | | |
| Chi phí khác | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 4.140.190.100 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 7.308.861.289 | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 7.487.907.621 | - | - |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - |

004
CÓN
H NHI
TOÁN
A &
4-T.
007
CÓN
CÓ P
Y C
TẾT
HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 310.002.307.820 | 34.759.559.694 | 4.445.950.400 | - | 349.207.817.914 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 310.002.307.820 | 34.759.559.694 | 4.445.950.400 | - | 349.207.817.914 |
| Giá vốn theo bộ phận | 307.170.230.082 | 34.573.991.088 | 5.348.707.851 | - | 347.092.929.021 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 2.832.077.738 | 185.568.606 | (902.757.451) | - | 2.114.888.893 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | (8.580.409.003) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | (6.465.520.110) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | 17.862.242 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | (904.087.461) |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | 18.000.000 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | (7.333.745.329) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 3.123.404.387 | - | - | - | 3.123.404.387 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 6.137.322.301 | - | - | - | 6.137.322.301 |

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Ước

Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng

9815.
GTY
M HUU
VA TU
C
PHOC
1476
GTY
HAN
P DU
THA
T.D

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Đơn vị tính: VND | | | | |
|--|-------------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 77.761.108.254 | 2.079.494.006 | - | - | 79.840.602.260 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 42.830.930.412 |
| Tổng tài sản | | | | | 122.671.532.672 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 10.452.167.253 | - | - | - | 10.452.167.253 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 33.315.879.232 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 43.768.046.485 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 67.911.613.393 | 1.468.306.123 | - | - | 69.379.919.516 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 35.818.134.679 |
| Tổng tài sản | | | | | 105.198.054.195 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 11.765.693.224 | - | - | - | 11.765.693.224 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 18.669.064.884 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 30.434.758.108 |



Nguyễn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Vũ Thị Xuân The
Kế toán trưởng




Trần Trí Việt
Tổng Giám đốc

